

GIỚI HẠN CÔNG KHAI DỮ LIỆU CÁ NHÂN CỦA NGƯỜI BÁN TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

LÊ TƯỜNG VY

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
Nguyen Tat Thanh University

Ngày nhận bài: 21/7/2026

Ngày sửa bài: 7/8/2026

Ngày duyệt đăng bài: 20/8/2026

Tóm tắt:

Ngày 01/7/2026, Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15 và Nghị định số 248/2026/NĐ-CP hướng dẫn thi hành chính thức có hiệu lực, lần đầu tiên đưa hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam vào khuôn khổ điều chỉnh ở tầm luật. Trước đó, từ ngày 01/01/2026, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 cùng Nghị định số 356/2025/NĐ-CP đã vận hành, xác lập khuôn khổ pháp lý riêng cho toàn bộ hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam. Cả 2 hệ thống văn bản này cùng tác động đến người bán trên nền tảng thương mại điện tử. Trên cơ sở đối chiếu nghĩa vụ công khai thông tin người bán theo Luật Thương mại điện tử với nguyên tắc tương xứng về phạm vi và giới hạn công khai dữ liệu cá nhân theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, bài viết chỉ ra một số bất cập cụ thể và đề xuất các kiến nghị nhằm khắc phục từng bất cập.

Từ khóa: công khai dữ liệu cá nhân, nền tảng thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, người đại diện theo pháp luật, nguyên tắc tương xứng, địa chỉ cư trú

Limits on the disclosure of sellers' personal data on e-commerce platforms

Abstract:

On July 1, 2026, the E-Commerce Law No. 122/2025/QH15 and Decree No. 248/2026/ND-CP took effect, while the Personal Data Protection Law No. 91/2025/QH15 and Decree No. 356/2025/ND-CP had been effective since January 1, 2026. Both legal frameworks affect sellers on e-commerce platforms: the E-Commerce Law requires platform operators to disclose seller information, whereas personal data protection law requires such disclosure to be proportionate to its purpose. By comparing seller-information disclosure obligations with the proportionality principle governing the scope and limits of personal data disclosure, this study identifies several specific shortcomings and proposes recommendations to address them.

Keywords: personal data disclosure, e-commerce platform, personal data protection, legal representative, proportionality principle, residential address

1. Đặt vấn đề

Ngày 01/7/2026, Luật Thương mại điện tử (TMĐT) số 122/2025/QH15 chính thức có hiệu lực, lần đầu đưa hoạt động TMĐT tại Việt Nam vào khuôn khổ điều chỉnh ở tầm luật. Điều 21 quy định trách nhiệm của người bán cung cấp thông tin định danh cho chủ quản nền tảng: tên, địa điểm kinh doanh (doanh nghiệp, hộ kinh doanh); tên, địa chỉ trụ sở (tổ chức); tên, địa chỉ cư trú (cá nhân). Điều 17 buộc chủ quản nền tảng công khai các thông tin đó. Tuy nhiên, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân (BVDLCN) số 91/2025/QH15 cùng Nghị định số 356/2025/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, đặt ra nguyên tắc giới hạn tương ứng: dữ liệu cá nhân chỉ được công khai khi có căn cứ hợp pháp, và phạm vi, thời hạn công khai phải tương xứng với mục đích, không vượt quá mức cần thiết.¹

Vấn đề đặt ra, không phải là chủ quản nền tảng có được phép công khai thông tin người bán hay không, mà là công khai đến đâu thì đủ - câu hỏi mà Luật TMĐT không tự trả lời được, phải đối chiếu với nguyên tắc tương xứng của Luật BVDLCN. Theo hướng đó, bài viết nhận diện 3 vấn đề: (i) công khai địa chỉ cư trú của người bán cá nhân có vượt quá mức cần thiết hay không; (ii) công khai dữ liệu cá nhân của người đại diện theo pháp luật có thuộc phạm vi nghĩa vụ công khai hay không; (iii) có khoảng trống nào về thời hạn công khai sau khi mục đích công khai không còn tồn tại hay không.

2. Công khai dữ liệu cá nhân theo Luật Thương mại điện tử

2.1. Chủ thể, nội dung, phạm vi công khai

Nghĩa vụ công khai thông tin người bán trên nền tảng TMĐT trung gian được xác lập bởi sự kết hợp của 2 điều khoản gắn với 2 chủ thể khác nhau trong một chuỗi xử lý dữ liệu.

Về chủ thể, người bán, theo điểm b khoản 1 Điều 21 Luật TMĐT, có trách nhiệm cung cấp cho chủ quản nền tảng thông tin định danh của mình² - nghĩa vụ cung cấp thông tin mang tính nội bộ. Chủ quản nền tảng, theo điểm d khoản 1 Điều 17, có trách nhiệm “công khai thông tin quy định tại điểm b khoản 1... Điều 21... do người bán cung cấp”³ - nghĩa vụ thực hiện hành vi công khai đối với công chúng. Việc tách thành hai lớp - cung cấp rồi công khai - cho thấy nhà làm luật phân định trách nhiệm: người bán chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, nền tảng chịu trách nhiệm về việc thực hiện đúng phạm vi công khai.

Về nội dung, điểm b khoản 1 Điều 21 liệt kê thông tin phải công khai theo từng loại chủ thể, trong khi đó, khoản 1 Điều 2 Luật BVDLCN định nghĩa dữ liệu cá nhân là “dữ liệu số hoặc thông tin dưới dạng khác xác định hoặc giúp xác định một con người cụ thể”. Chiếu theo định nghĩa này, đối với người bán là cá nhân, tên và địa chỉ cư trú đều là dữ liệu cá nhân, nên đồng thời chịu sự điều chỉnh của Luật BVDLCN.

Về phạm vi, việc công khai chỉ giới hạn ở chính người bán, không mở rộng sang bên thứ ba (như người đại diện theo pháp luật của tổ chức, vì điểm b khoản 1 Điều 21 không đề cập chủ thể này), và chỉ giới hạn đúng các trường dữ liệu được liệt kê (tên, địa chỉ), không mở rộng sang dữ liệu định danh khác mà nền tảng đang nắm giữ để xác thực theo điểm c khoản 1 Điều 17 (ngày sinh, số định danh cá nhân) - các dữ liệu này chỉ được xử lý nội bộ.

2.2. Mục tiêu chính sách của nghĩa vụ công khai

Nghĩa vụ công khai thông tin người bán nằm trong mục tiêu minh bạch hóa thị trường TMĐT: giúp người mua biết đang giao dịch với một chủ thể xác định, có thể liên hệ, quy trách nhiệm khi phát sinh tranh chấp; đồng thời hạn chế tình trạng gian hàng ẩn danh. Mục tiêu này chính đáng, nhưng chỉ lý giải cho sự

cần thiết của việc người mua biết có một người bán xác định - tự nó chưa lý giải cho việc phạm vi công khai phải chi tiết đến mức nào, cụ thể là có nhất thiết bao gồm địa chỉ cư trú thực tế hay không.

3. Nguyên tắc công khai dữ liệu cá nhân theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân

3.1. Điều kiện công khai dữ liệu cá nhân

Khoản 2 Điều 16 Luật BVDLCN năm 2025 quy định dữ liệu cá nhân chỉ được công khai trong 4 trường hợp: có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu; theo quy định của pháp luật; trường hợp tại điểm b khoản 1 Điều 19; hoặc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. Nghĩa vụ công khai thông tin người bán theo điểm d khoản 1 Điều 17 Luật TMĐT rơi vào căn cứ thứ hai, nên về căn cứ pháp lý để công khai, không có vướng mắc.

3.2. Yêu cầu tương xứng về phạm vi công khai

Khoản 1 Điều 16 Luật BVDLCN năm 2025 quy định: “Dữ liệu cá nhân chỉ được công khai với mục đích cụ thể. Phạm vi công khai, loại dữ liệu cá nhân được công khai phải phù hợp với mục đích công khai. Việc công khai dữ liệu cá nhân không được xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu cá nhân.” Đây là yêu cầu độc lập với điều kiện được phép công khai: có căn cứ để công khai không đồng nghĩa mọi phạm vi, mức độ chi tiết đều hợp pháp - phạm vi công khai vẫn phải đối chiếu với đúng mục đích đã xác lập theo Luật TMĐT. Đây là yêu cầu được vận dụng để đánh giá việc công khai địa chỉ cư trú của người bán cá nhân và dữ liệu của người đại diện theo pháp luật có tương xứng hay không.

3.3. Nguyên tắc giới hạn về thời hạn lưu trữ, công khai

Theo khoản 3 Điều 3 Luật BVDLCN, dữ liệu cá nhân “được lưu trữ trong khoảng thời gian phù hợp với mục đích xử lý dữ liệu cá nhân, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”. Nguyên tắc này áp dụng cho mọi hình thức xử lý, kể cả việc duy trì hiển thị công khai: một khi mục đích công khai không còn, việc tiếp tục công khai cũng không còn cơ sở. Tuy nhiên, “khoảng thời gian phù hợp” là tiêu chuẩn định tính, không ấn định mốc cụ thể - nếu để nền tảng tự diễn giải, nguy cơ mỗi nền tảng hiểu khác nhau, thậm chí theo hướng có lợi cho mình.

3.4. Nguyên tắc tối thiểu hóa và quyền yêu cầu xóa, hạn chế xử lý dữ liệu

Khoản 2 Điều 3 Luật BVDLCN yêu cầu “chỉ được thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân đúng phạm vi, mục đích cụ thể, rõ ràng” - nguyên tắc tối thiểu hóa này đặc biệt quan trọng với hành vi công khai, vì dữ liệu một khi đưa ra công chúng khó thu hồi hơn nhiều so với dữ liệu lưu trữ nội bộ. Bên cạnh đó, điểm d khoản 1 Điều 4 Luật BVDLCN trao quyền “yêu cầu cung cấp, xóa, hạn chế xử lý dữ liệu cá nhân; gửi yêu cầu phản đối xử lý dữ liệu cá nhân”. Tuy nhiên, quyền này bộc lộ 2 vướng mắc: Luật chỉ ghi nhận ở mức nguyên tắc chung, không hướng dẫn thực thi riêng cho dữ liệu đã công khai đại chúng; và quyền này có nguy cơ bị vô hiệu hóa nếu nền tảng viện dẫn nghĩa vụ công khai bắt buộc theo Luật TMĐT là “quy định của pháp luật” theo nghĩa loại trừ tại khoản 1 Điều 10 và khoản 2 Điều 14 Luật BVDLCN, khiến yêu cầu hạn chế hoặc xóa dữ liệu công khai có thể bị từ chối hợp pháp.

4. Một số bất cập về việc công khai dữ liệu cá nhân

4.1. Công khai địa chỉ cư trú của người bán cá nhân

Phần lớn người bán trên các nền tảng TMĐT tại Việt Nam là cá nhân kinh doanh nhỏ lẻ, thường sử dụng chính nhà ở làm nơi lưu trữ, đóng gói, giao dịch hàng hóa. Đối với nhóm này, khó phân biệt giữa “địa điểm kinh doanh” và “địa chỉ cư trú”. Như vậy, công khai theo yêu cầu tại điểm b khoản 1 Điều 21 Luật TMĐT năm 2025 đồng nghĩa với công khai nơi ở thực tế.

Về mức độ tiếp cận, cần phân biệt công khai trên nền tảng TMĐT với các hình thức công khai địa chỉ truyền thống (như công thông tin đăng ký kinh doanh). Thông tin công khai trên trang bán hàng có thể bị thu thập hàng loạt bằng công cụ tự động (scraping), tổng hợp cùng các dữ liệu khác của cùng cá nhân (số điện thoại, hình ảnh, lịch sử bán hàng), tạo thành hồ sơ chi tiết hơn nhiều so với từng mảnh dữ liệu riêng lẻ. Rủi ro không chỉ dừng ở việc bị làm phiền quá mức, mà còn bao gồm nguy cơ bị nhầm mục tiêu lừa đảo, đe dọa, hoặc xâm phạm an toàn cá nhân. Mức độ can thiệp này cần được nhìn nhận trong tương quan với quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư tại khoản 1 Điều 21 Hiến pháp năm 2013.

Đối chiếu với yêu cầu tương xứng tại khoản 1 Điều 16 và nguyên tắc tối thiểu hóa tại khoản 2 Điều 3 Luật BVĐLCN, mục tiêu chính sách của nghĩa vụ công khai (giúp người mua nhận diện, liên hệ, quy trách nhiệm) không nhất thiết đòi hỏi công khai địa chỉ nhà cụ thể. Tên đã xác thực cùng kênh liên hệ đã xác thực đủ để đạt mục tiêu này; đối với tình huống thực sự cần địa chỉ cụ thể (tổng đạt văn bản tố tụng, xác minh của cơ quan điều tra), thông tin đã được nền tảng lưu giữ nội bộ theo nghĩa vụ xác thực tại điểm c khoản 1 Điều 17, không cần công khai đại chúng.

Có thể phản biện theo địa chỉ giao hàng vẫn phải tiết lộ cho đơn vị vận chuyển. Tuy nhiên, cần phân biệt việc tiết lộ có kiểm soát cho một bên trung gian có nghĩa vụ bảo mật theo hợp đồng vận chuyển với việc công khai vô điều kiện cho bất kỳ ai truy cập nền tảng - 2 mức độ rủi ro khác nhau về bản chất.

4.2. Công khai dữ liệu cá nhân của người đại diện theo pháp luật

Đối với người bán là doanh nghiệp, tổ chức, việc xác thực điện tử danh tính theo điểm c khoản 1 Điều 17 Luật TMĐT, cụ thể hóa tại Nghị định số 248/2026/NĐ-CP, bao gồm thu thập họ tên, ngày sinh, số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật. Tuy nhiên, phạm vi công khai theo điểm b khoản 1 Điều 21 chỉ giới hạn ở “tên, địa chỉ nơi đặt trụ sở của tổ chức”, không bao gồm dữ liệu cá nhân của người đại diện, như đã nêu tại mục 3.1.

Ranh giới này, dù rõ trên câu chữ, dễ bị bỏ qua trên thực tế: nền tảng đã có sẵn dữ liệu người đại diện phục vụ xác thực, nên có xu hướng hiển thị thêm tên người đại diện bên cạnh tên tổ chức, theo thông lệ hình thành từ trước, nhằm tăng độ tin cậy hoặc thuận tiện liên hệ. Khi đó, người đại diện theo pháp luật - cá nhân không trực tiếp là bên bán, không tự mình xác lập quan hệ hợp đồng với người mua - có dữ liệu cá nhân bị đưa ra công chúng cùng thông tin tổ chức, vượt ngoài phạm vi mà điểm b khoản 1 Điều 21 cho phép. Đây là vùng xám: luật không yêu cầu nhưng cũng không cấm rõ ràng, khiến việc công khai này phụ thuộc vào lựa chọn thiết kế giao diện của từng nền tảng.

Cần phân biệt 2 vai trò của người đại diện theo pháp luật. Khi nhân danh tổ chức xác lập, thực hiện giao dịch, dữ liệu của họ gắn với tư cách đại diện, có thể cần thiết ở mức độ nhất định để xác thực tổ chức. Nhưng khi thông tin của người đại diện bị công khai đại chúng như một phần trang giới thiệu người bán, cùng vị trí hiển thị với hàng hóa, giá cả, đánh giá khách hàng, bản chất xử lý đã chuyển từ “xác thực tổ chức” sang “nhận diện cá nhân” - mục đích không được điểm b khoản 1 Điều 21 đặt ra. Khoản 5 Điều 2 Luật BVĐLCN định nghĩa chủ thể dữ liệu cá nhân là “người được dữ liệu cá nhân phản ánh”, theo đó người đại diện, khi dữ liệu bị công khai, trở thành một chủ thể dữ liệu độc lập, có đầy đủ quyền theo Điều 4, tách biệt khỏi tư cách pháp nhân của tổ chức.

Việc công khai danh tính cá nhân của người đại diện ngoài phạm vi “tên, địa chỉ tổ chức” mà điểm b khoản 1 Điều 21 yêu cầu, do đó, cần một cơ sở riêng, độc lập với nghĩa vụ công khai thông tin tổ chức. Vấn đề này càng đáng kể đối với doanh nghiệp nhỏ, nơi người đại diện thường đồng thời là chủ sở hữu

duy nhất - khi đó, việc công khai thông tin cá nhân của người đại diện thực chất tái tạo lại chính vấn đề đã nêu tại mục 4.1, chỉ khác ở hình thức pháp lý của chủ thể kinh doanh.

4.3. Khoảng trống về nghĩa vụ gỡ bỏ thông tin công khai khi người bán chấm dứt hoạt động

Khoản 2 Điều 17 Luật TMĐT năm 2025 quy định chủ quản nền tảng phải thông báo cho người bán trước khi tạm ngừng, chấm dứt hoặc hạn chế tài khoản. Tuy nhiên, Luật không quy định rõ hệ quả đối với thông tin cá nhân đã công khai trước đó: liệu có được tự động gỡ khỏi giao diện hay chỉ vô hiệu hóa chức năng đặt hàng trong khi trang thông tin vẫn tồn tại, có thể truy cập được.

Áp dụng nguyên tắc giới hạn lưu trữ tại khoản 3 Điều 3 Luật BVĐLCN, một khi người bán chấm dứt hoạt động, mục đích công khai không còn tồn tại, nên việc tiếp tục hiển thị dữ liệu cá nhân của người bán đã ngừng hoạt động không còn cơ sở. Bên cạnh đó, điểm d khoản 1 Điều 4 trao quyền yêu cầu xóa, hạn chế xử lý dữ liệu, nhưng Luật TMĐT không có cơ chế hướng dẫn nền tảng tiếp nhận, xử lý yêu cầu này đối với thông tin đã công khai.

Vấn đề này có 2 chiều cần cân nhắc, không thể giải quyết bằng quy tắc đơn giản “xóa ngay khi chấm dứt”: lợi ích của người bán đòi hỏi thông tin không nên tiếp tục công khai khi không còn lý do kinh doanh chính đáng; nhưng lợi ích của người mua đã từng giao dịch và của cơ quan giải quyết tranh chấp đòi hỏi vẫn có khả năng truy xuất thông tin trong một khoảng thời gian hợp lý. Bộ luật Dân sự hiện hành quy định thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng là 3 năm⁴ - mốc tham chiếu hợp lý để giải quyết 2 chiều lợi ích này.

5. Kiến nghị hoàn thiện

5.1. Kiến nghị đối với vấn đề địa chỉ cư trú của người bán cá nhân

Đối với người bán cá nhân, chỉ công khai cho công chúng tên (đã xác thực) và kênh liên hệ đã xác thực; địa chỉ cư trú đầy đủ được lưu giữ nội bộ, chỉ cung cấp khi có yêu cầu hợp lệ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc trong khuôn khổ giải quyết tranh chấp. Có thể cân nhắc mô hình hiển thị theo cấp hành chính rút gọn (đến cấp quận, huyện hoặc tỉnh, thành phố). Cần quy định rõ ranh giới giữa nội dung công khai bắt buộc tối thiểu và nội dung mở rộng (địa chỉ cụ thể) mà người bán có quyền yêu cầu hạn chế hiển thị, kèm cơ chế, trình tự cụ thể trên giao diện quản trị tài khoản, có thời hạn phản hồi xác định - khắc phục tình trạng quyền yêu cầu hạn chế xử lý tại điểm d khoản 1 Điều 4 Luật BVĐLCN đã ghi nhận trên giấy nhưng thiếu cơ chế thực thi.

5.2. Kiến nghị đối với vấn đề người đại diện theo pháp luật

Quy định rõ phạm vi công khai đối với doanh nghiệp, tổ chức chỉ giới hạn ở tên và địa chỉ trụ sở, không bao gồm dữ liệu cá nhân của người đại diện theo pháp luật, trừ khi công khai theo yêu cầu riêng của cơ quan có thẩm quyền, hoặc theo lựa chọn tự nguyện, có thể đảo ngược của chính người đại diện. Áp dụng cơ chế yêu cầu hạn chế phạm vi công khai tương tự mục 4.1 cho chủ thể này, bảo đảm người đại diện có công cụ thực chất để kiểm soát việc dữ liệu cá nhân của mình bị hiển thị cùng thông tin tổ chức.

5.3. Kiến nghị đối với vấn đề thời hạn công khai

Thay vì đề tiêu chuẩn “phù hợp” tại khoản 3 Điều 3 Luật BVĐLCN ở dạng định tính như hiện nay, kiến nghị luật hóa một mốc thời hạn xác định là 3 năm, tham chiếu theo thời hiệu khởi kiện về hợp đồng tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết trình tự chuyển đổi trạng thái hiển thị theo mô hình 3 giai đoạn: (i) giai đoạn hoạt động - công khai đầy đủ theo phạm vi đã thu hẹp tại mục 5.1 và 5.2; (ii) giai đoạn ngay sau khi chấm dứt hoạt động - chuyển từ công khai đại chúng sang

chế độ hạn chế, chỉ hiển thị cho người mua đã từng giao dịch với người bán đó; (iii) giai đoạn sau khi hết thời hiệu khởi kiện thông thường (3 năm) - gỡ bỏ hoàn toàn khỏi mọi hình thức hiển thị, chỉ giữ trong lưu trữ nội bộ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nếu có.

6. Kết luận

Nghĩa vụ công khai thông tin người bán theo Luật TMĐT hướng đến mục tiêu chính đáng là minh bạch hóa thị trường, nhưng khi đối chiếu với Luật BVDLCN, bài viết chỉ ra 3 bất cập: công khai địa chỉ cư trú của người bán cá nhân vượt quá mức cần thiết; công khai dữ liệu cá nhân của người đại diện theo pháp luật thiếu khung kiểm soát; và thiếu mốc thời hạn xác định để gỡ bỏ thông tin khi người bán chấm dứt hoạt động. Nguyên nhân chung là các nguyên tắc tương xứng và giới hạn lưu trữ của Luật BVDLCN dừng ở mức định tính, thiếu công cụ thực thi cụ thể. Giải pháp không phải là loại bỏ nghĩa vụ công khai, mà là thu hẹp phạm vi, xác lập cơ chế yêu cầu hạn chế hiển thị, và ấn định mốc thời hạn 3 năm tham chiếu theo Bộ luật Dân sự ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Khoản 1, khoản 2 Điều 16 và khoản 3 Điều 3 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15.

²Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15, điểm b khoản 1 Điều 21.

³Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15, điểm d khoản 1 Điều 17.

⁴Điều 429 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 - Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Chính phủ. (2025). Nghị định số 248/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thương mại điện tử.

Chính phủ. (2025). Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Ngọc Thúy (2026). Đã có Nghị định 248/2026/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Thương mại điện tử từ 01/7/2026. Luật Việt Nam. https://luatvietnam.vn/tin-van-ban-moi/da-co-nghi-dinh-152-2026-nd-cp-huong-dan-thi-hanh-luat-thi-hanh-an-dan-su-tu-01-7-2026-186-108995-article.html#google_vignette.

Quốc hội. (2025). Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 ngày 26/6/2025.

Quốc hội. (2025). Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15 ngày 26/6/2025.

Tài liệu hội nghị phổ biến Luật Thương mại điện tử và Nghị định số 248/2026/NĐ-CP do cơ quan quản lý nhà nước và địa phương tổ chức, tháng 7/2026.